**Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

| **Nội dung đánh giá** | | **Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt** |
|---|---|---|
| 1. Nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, chất lượng của hàng hóa | Nhà thầu cam kết hàng hóa chào thầu phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, mới 100%, còn nguyên đai nguyên kiện, sản xuất từ năm 2024 về sau và cung cấp đầy đủ tài liệu sau:<br>- Đối với hàng hóa nhập khẩu: Cam kết cung cấp các tài liệu khi giao hàng gồm:<br>+ Chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).<br>+ Chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q)<br>+ Hồ sơ Hải quan bao gồm: Tờ khai hàng hóa nhập khẩu, Bill vận tải (sao y của đơn vị nhập khẩu), Bản chụp Packing list hàng hóa, invoice hàng hóa... và cung cấp bản chính để kiểm tra khi có yêu cầu.<br>- Đối với hàng hóa trong nước: Cam kết cung cấp tài liệu khi giao hàng gồm:<br>+ Chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) hoặc giấy xuất xưởng khi giao hàng. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 2. Đặc tính, thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa | Hàng hóa có đặc tính, thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sản xuất phù hợp và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại chương V-Yêu cầu về kỹ thuật<br>Hàng hóa phải ghi rõ ký mã hiệu/ nhãn mác, tên nhà sản xuất, xuất xứ, năm sản xuất. Đính kèm catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật hoặc đường link của chính hãng sản xuất phát hành công khai; thể hiện đầy đủ xuất xứ, thời gian bảo hành và thông số kỹ thuật chào thầu để | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt |
|---|---|---|
| | chứng minh (nếu là tiếng nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt) và lập bảng so sánh tính đáp ứng thông số kỹ thuật giữa hàng hóa chào thầu và thông số kỹ thuật yêu cầu của E-HSMT để tổ chuyên gia đánh giá. | |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 3. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | Có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý. Đáp ứng yêu cầu cụ thể tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 4. Tiến độ cung cấp hàng hóa | | |
| 4.1. Thời gian cung cấp tổng thể | Cam kết cung cấp hàng hóa trong thời gian tối đa là 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 4.2. Biểu tiến độ cung cấp | Có biểu tiến độ cung cấp hàng hóa đáp ứng yêu cầu về tiến độ của gói thầu (bảng tiến độ phải thể hiện được từng nội dung công việc tương ứng với từng khoảng thời gian cụ thể như: nhập hàng, đóng gói, vận chuyển, …). | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 5. Bảo hành, bảo trì | a) Có cam kết và đáp ứng yêu cầu về bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật sau khi giao hàng đáp ứng tối thiểu theo định tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật.<br>b) Có cam kết đổi trả hàng mới 100% nếu hàng hóa không đảm bảo chất lượng, bị lỗi do nhà sản xuất hoặc hư hỏng khi vận chuyển đến kho của đơn vị sử dụng trong vòng 02 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt |
|---|---|---|
| 6. Nội dung và phương thức bảo hành | Có đề xuất nội dung và phương thức bảo hành rõ ràng, hợp lý: Nêu rõ nội dung, phương thức bảo hành, trách nhiệm, khắc phục sự cố, … Đảm bảo có mặt trong vòng **24h** kể từ lúc chủ đầu tư yêu cầu để thực hiện nghĩa vụ | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 7. Đào tạo, chuyển giao công nghệ | Có cam kết giao hàng, đào tạo, chuyển giao công nghệ và cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng của hãng bằng tiếng Việt đầy đủ cho Chủ đầu tư | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 8. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa | Cam kết có khả năng đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác trong **05 năm** kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 9. Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó | - Không có gói thầu không thương thảo hợp đồng (hoặc đối chiếu tài liệu) hoặc có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng kể từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu<br>- Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu kể từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu. | Đạt |
| | - Có gói thầu không thương thảo hợp đồng (hoặc đối chiếu tài liệu) hoặc có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng kể từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu và Nhà thầu thực hiện nộp bảo lãnh dự thầu gấp 3 lần giá trị bảo lãnh theo yêu cầu của gói thầu này | Chấp nhận được |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt |
|---|---|---|
| | - Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu kể từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu. | |
| | Không đáp ứng một trong các điều kiện nêu trên | Không đạt |
| **Kết luận** | **Tất cả các tiêu chí trên được đánh giá đạt hoặc chấp nhận được** | **Đạt** |
| | **Không đạt một trong các tiêu chí trên** | **Không đạt** |